

Số: 26 /BC-UBND

Thanh Bình Thịnh, ngày 14 tháng 9 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Công tác cải cách hành chính 9 tháng, Phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2022 tại xã Thanh Bình Thịnh**

KÍNH GỬI: ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ,

Thực hiện hướng dẫn số 414/UBND-TCNV ngày 07/3/2022 của UBND huyện Đức Thọ về việc hướng dẫn chế độ Báo cáo CCHC định kỳ năm 2022. Nay UBND xã Thanh Bình Thịnh báo cáo tình hình cải cách hành chính 9 tháng và nhiệm vụ 3 tháng cuối năm như sau:

#### **I. Nội dung Cải cách hành chính:**

##### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Việc ban hành Văn bản chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính;

Trong 9 tháng đã ban hành:

UBND xã đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn chuẩn bị tốt các loại hồ sơ phục vụ thanh tra công vụ vào trung tuần tháng 8 năm 2022 tại xã.

+ Kế hoạch số 35/KH-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính nhà nước xã Thanh Bình Thịnh giai đoạn 2021-2030;

+ Kế hoạch số 11/KH-UBND, ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính xã Thanh Bình Thịnh năm 2022;

- Việc thực hiện công tác tự kiểm tra CCHC;

+ Ban hành kế hoạch số 29/KH-UBND, ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành kế hoạch đánh giá công tác cải cách hành chính nhà nước Văn thư – Lưu trữ, Thi đua khen thưởng năm 2022;

+ Ban hành Quyết định số 151/QĐ-UBND, ngày 17 tháng 5 năm 2022 về việc thành lập Tổ tự kiểm tra cải cách hành chính tại UBND và các bộ phận thuộc UBND xã năm 2022;

+ Đã tổ chức được 1 đợt tự kiểm tra 6 tháng đầu năm về CCHC tại xã vào ngày 30/6/2022.

- Kết quả khắc phục tồn tại hạn chế sau kiểm tra do cấp trên chỉ ra năm 2021.

+ Báo cáo số 07/BC-UBND, ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc báo cáo khắc phục tồn tại, hạn chế trong thực hiện CCHC năm 2021;

- Những giải pháp chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo đơn vị trong thực hiện CCHC;

+ Ban hành kế hoạch số 12/KH-UBND, ngày 26 tháng 01 năm 2022 về việc kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế sau đánh giá của đoàn kiểm tra CCHC năm 2021;

- + Báo cáo số 19/BC-UBND, ngày 27 tháng 7 năm 2022 về việc khắc phục tồn tại hạn chế trong thực hiện CCHC 6 tháng đầu năm 2022;
- Công tác tuyên truyền về cải cách hành chính;
- + Ban hành số 17/KH-UBND, ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc ban hành kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2022;
- Chế độ tổng hợp, thông tin, báo cáo.
- + Báo cáo số 04/BC-UBND, ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc báo cáo cải cách hành chính quý I, phương hướng nhiệm vụ quý II năm 2022;
- + Báo cáo số 12/BC-UBND, ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc báo cáo cải cách hành 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022;
- + Báo cáo số 29/BC-UBND, ngày 14 tháng 9 năm 2022 về việc báo cáo cải cách hành 9 tháng, phương hướng nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2022;

## **2. Về cải cách thể chế**

- Chất lượng văn bản QPPL cấp xã ban hành;  
Năm tháng đầu năm UBND xã Không ban hành văn bản QPPL
- Thực hiện quy trình xây dựng văn bản QPPL;  
Thực hiện đúng theo quy định về công tác ban hành văn bản QPPL khi được giao
- Công tác góp ý các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương, tỉnh, huyện ban hành;  
Trong 9 tháng năm 2022 không có văn bản QPPL nào phải góp ý
- Công tác góp ý các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do Trung ương, tỉnh, huyện ban hành;  
9 tháng năm 2022 UBND xã có tiến hành góp ý vào 2 văn bản đó là: Dự thảo luật góp ý vào “Dự thảo” Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Quyết định sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết Định số 33/2019/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.
- Tổ chức thực hiện văn bản QPPL của cấp trên và của đơn vị tại địa phương;  
Trong 9 tháng căn cứ kế hoạch và văn bản chỉ đạo của cấp trên UBND xã đã triển khai ban hành và thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy định.
- Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL);  
UBND xã xác định việc Theo dõi thi hành pháp luật là một lĩnh vực hết sức quan trọng nên đã ban hành Kế hoạch số: 24/KH-UBND, ngày 11/03/2022 về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn xã Thanh Bình Thịnh năm 2022
- Thực hiện chế độ báo cáo lĩnh vực Cải cách thể chế.
- Công tác kiểm tra, rà soát văn bản Quy phạm pháp luật: Số lượng văn bản được rà soát, kiến nghị sửa đổi, bãi bỏ khi rà soát.
- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND, ngày 11/03/2022 về triển khai công tác tự kiểm tra, xử lý rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2022. Đồng Thời công chức chuyên môn đã tham mưu cho UBND xã ban hành quyết định số 88/QĐ-UBND, ngày 15/03/2022 về kiện toàn tổ công tác rà soát, tự kiểm tra văn bản QPPL năm 2022.

9 tháng đầu năm đã ban hành 200 Văn bản trong đó: 01 Nghị quyết của HĐND và 200 Quyết định của UBND xã.

Trong : 01 Nghị quyết của HĐND và 200 Quyết định của UBND xã qua công tác Tự kiểm tra, rà soát không có văn bản QPPL nào được HĐND và UBND xã ban hành. Các văn bản trên được HĐND và UBND xã ban hành dưới hình thức văn bản hành chính.

### **3. Cải cách thủ tục hành chính**

- Thực hiện niêm yết các TTHC và địa chỉ tiếp nhận, phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, hành vi hành chính đầy đủ, khoa học tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC theo quy định, trên Cổng/Trang thông tin điện tử của các địa phương: Tổ chức niêm yết, công khai đầy đủ các loại TTHC, tại bộ phận một cửa và cổng thông tin điện tử theo quy định đảm bảo khoa học chính xác tạo điều kiện cho công dân đến giao dịch dễ tiếp cận.

- Thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC đúng quy trình theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Trong 09 tháng các loại hồ sơ tiếp nhận tại Bộ phận một cửa được xử lý theo đúng quy trình, đúng thời gian, không có hồ sơ nào quá hạn

- Kết quả giải quyết TTHC: Đến thời điểm báo cáo đã giải quyết được 1486 hồ sơ, trong đó có 1486 hồ sơ đúng hạn, không có hồ sơ quá hạn, hồ sơ giải quyết qua mạng mức độ 3 là: 361/1486 hồ sơ đạt tỷ lệ 24%

- Rà soát, đánh giá TTHC (việc ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm)

+ Ban hành Quyết định số 197/QĐ-UBND, ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc ban hành Quy chế hoạt động của cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn xã Thanh Bình Thịnh;

+ Ban hành quyết định số 139/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 3 năm 2022 về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử năm 2022 trên địa bàn xã Thanh Bình Thịnh;

+ Ban hành quyết định số 143/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 5 năm 2022 về việc kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại UBND xã Thanh Bình Thịnh

+ Kế hoạch số 27/KH-UBND, ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc Rà soát, đánh giá thành phần hồ sơ, yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính trên địa bàn xã năm 2022;

+ Ban hành công văn số 09/ UBND, ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc tiếp tục thực hiện liên thông các TTHC “ Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/ Hỗ trợ chi phí mai táng/ hưởng mai táng phí”

- Phản ánh kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết; Trong 05 tháng đầu năm tại địa bàn xã không có phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức nào.

- Thực hiện báo cáo định kỳ quý và năm về kiểm soát TTHC.

+ Thực hiện đầy đủ các báo cáo tháng quý theo quy định của nhà nước.

+ Báo cáo số 09/BC-UBND, ngày 05 tháng 5 năm 2022 của UBND xã về việc Báo cáo khó khăn, vướng mắc và kiến nghị đề xuất trong giải quyết TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

#### **4. Về tổ chức bộ máy**

- Thực hiện chỉ đạo của huyện về tổ chức bộ máy; Thực hiện tốt các chỉ đạo của huyện về tổ chức bộ máy như tinh giản cán bộ, công chức sau sáp nhập xã, chuyển chuyên, luân chuyển cán bộ: Toàn xã có 50 cán bộ, công chức trong đó, cán bộ công chức: 30 người; cán bộ không chuyên trách 14 người, và 06 đồng chí công an. Về trình độ 30/30 cán bộ công chức có trình độ Đại học, Cán bộ không chuyên trách có 05 đồng chí Đại học, Cao đẳng 03 đồng chí, trung cấp 06 đồng chí. Về trình độ lý luận chính trị có 38/ 44 đồng chí. Trong 09 tháng chưa tinh giảm được cán bộ, công chức nào.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Quy chế làm việc của đơn vị;

+ Quyết định số 12/QĐ- UBND, ngày 02/02/2021 về việc ban hành quy chế văn hóa công sở tại UBND xã Thanh Bình Thịnh;

+ Ban hành quyết định số 117/QĐ-UBND, ngày 16/7/2021 về việc Ban hành quy chế làm việc của UBND xã Thanh Bình Thịnh nhiệm kỳ 2021-2026;

+ Quyết định số 120/QĐ-UBND, ngày 28/7/2021 về việc Kiện toàn phân công nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức, nhân viên của UBND xã nhiệm kỳ 2021-2026;

+ Ban hành quyết định số 121/QĐ-UBND, ngày 28/7/2021 về việc Ban hành Quy chế dân chủ cơ sở dân chủ tại xã;

+ Ban hành quy chế số 16/QC- HDDND- UBND-UBMTTQ, ngày 09 tháng 02 năm 2021 về việc phối hợp công tác giữa HĐND, UBND, UBMTTQ xã Thanh Bình Thịnh;

- Thực hiện chức năng nhiệm vụ của đơn vị theo chương trình khung, kế hoạch năm, chương trình công tác;

+ Ban hành chương trình số 01/CT-UBND, ngày 24/01/2022 về chương trình công tác của UBND xã Thanh Bình Thịnh năm 2022;

+ Ban hành kế hoạch số 19/KH-UBND, ngày 09 tháng 3 năm 2022 của UBND xã về việc ban hành khung kế hoạch nhà nước phát triển kinh tế - xã hội năm 2022;

#### **5. Về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

##### **\* Công tác đào tạo, bồi dưỡng và bố trí cán bộ, công chức**

- Công tác nhận xét, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật và quản lý lưu trữ hồ sơ cán bộ, công chức hàng năm;

+ Hàng năm tổ chức đánh giá cán bộ công chức theo quy định của cấp trên một các dân chủ công khai, góp ý chân tình những mặt được, chưa được đối với mỗi cán bộ, công chức đang công tác. Bình bầu khen thưởng kỷ luật hàng năm. Hồ sơ lưu trữ đảm bảo khoa học, hợp lý...

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức (Kế hoạch đào tạo - bồi dưỡng);

Ban hành kế hoạch số 03/KH-UBND, ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã năm 2022;

- Triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách về tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ;

- Cập nhật thông tin cán bộ công chức viên chức vào phần mềm quản lý CBCCVC của tỉnh;

- + Đã cập nhật bổ sung đầy đủ các thông tin của cán bộ, công chức vào phần mềm quản lý CBCC của tỉnh.

- Kỷ luật, kỷ cương hành chính: Tổ chức tuyên truyền cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức ký cam kết thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh về “Quy định trách nhiệm thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”;

Đã triển khai cho cán bộ công chức toàn cơ quan ký cam kết thực hiện quyết định 52/2017/QĐ-UBND.

- + Ban hành kế hoạch số 04/KH-UBND, ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 52/2017/QĐ-UBND, ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh.

- Lưu trữ hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức.

- + Hồ sơ cán bộ, công chức được lưu trữ đầy đủ, đảm bảo theo quy định của nhà nước.

#### **6. Cải cách tài chính công:**

- Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính: Xây dựng kế hoạch thu – chi đảm bảo đúng quy định của nhà nước, của pháp luật, tuân theo quy định, định mức, chế độ. Tuân thủ kế hoạch của cơ quan cấp trên. Sử dụng kinh phí một cách tiết kiệm để đem lại hiệu quả cao. Mọi hoạt động luôn đảm bảo sự công khai, thống nhất trong cơ quan đơn vị.

- Thực hiện công khai tài chính: Ban hành quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của UBND xã Thanh Bình Thịnh ( Có biểu mẫu công bố công khai chi tiết kèm theo)

- Xây dựng thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ: Ban hành Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022.

- Thực hiện tiết kiệm kinh phí, tăng thu nhập trong cơ quan: Xây dựng dự toán tiết kiệm 10% chi thường xuyên cải cách tiền lương. 6 tháng đầu năm 2022 chưa bố trí được nguồn tăng thu nhập trong cơ quan.

- Thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao: Căn cứ quyết định số 14388/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 của UBND huyện Đức Thọ về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 cho UBND xã Thanh Bình Thịnh. Thông báo số 311/TB-TC-KH ngày 31/12/2022 của phòng tài chính kế

hoạch huyện Đức Thọ về việc giao dự toán thu – chi ngân sách năm 2022 cho UBND xã Thanh Bình Thịnh.

### **7. Hiện đại hóa hành chính**

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước như: sử dụng IO, gửi nhận văn bản, các phần mềm tác nghiệp chuyên ngành;

+ Đã ban hành kế hoạch 16/KH- UBND, ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc ban hành kế hoạch triển khai phát triển ứng dụng công nghệ thông tin năm 2022;

- Triển khai và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 vào hoạt động quản lý nhà nước.

+ Ban hành Quyết định số 214/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc ban hành “ Mục tiêu chất lượng năm 2022” thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

+ Quyết định số 76/QĐ-UBND , ngày 18/02/2022 về việc Kiện toàn Ban chỉ đạo Duy trì cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001: 2015 tại UBND xã Thanh Bình Thịnh năm 2022;

+ Kế hoạch số 13/KH-UBND, ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc Duy trì cải tiến HTQLCL theo TCVN 9001:2015 trên đại bàn xã Thanh Bình Thịnh năm 2022;

+ Quyết định số 153/QĐ-UBND, ngày 19/05/2022 về việc thành lập đoàn đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trên địa bàn xã năm 2022;

+ Kế hoạch số 34/KH-UBND, ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc đánh giá nội bộ hệ thống QLCL phù hợp với Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2022 tại xã Thanh Bình Thịnh.

+ Ban hành các quy trình nội bộ về các lĩnh vực hành chính, đã ban hành được 15 quy trình.

### **II. Nội dung kiểm tra Văn thư - Lưu trữ:**

+ Về công tác văn thư:

Ban hành quyết định 06/QĐ- UBND ngày 15/01/2021 quy chế văn thư – lưu trữ

Ban hành quyết định 01/QĐ- UBND Ngày 05/01/2022 về việc ban hành danh mục hồ sơ lưu trữ năm 2022

- Xây dựng Kế hoạch số 01/KH- UBND ngày 18/01/2022 triển khai kế hoạch văn thư – Lưu trữ năm 2022

- Xây dựng Kế hoạch số 02/KH- UBND ngày 18/01/2022 tự kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác văn thư, lưu trữ

Việc soạn thảo và ban hành văn bản, quản lý văn bản (bao gồm văn bản giấy và văn bản điện tử) theo đúng Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư;

+ Về hoạt động nghiệp vụ lưu trữ :

Việc lập hồ sơ công việc và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ của cơ quan:

Hiện tại UBND xã đã có kho lưu trữ, và các thiết bị phục vụ cho việc lưu trữ tài liệu. Kho lưu trữ có giá dựng, và sắp xếp tài liệu theo danh mục hồ sơ theo từng lĩnh vực chuyên ngành; Việc quản lý và sử dụng chữ ký số, chứng thư số theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

+ Xã đã thực hiện thu thập, xác định giá trị tài liệu lưu trữ vào kho, đã bố trí kho; mua sắm một số trang thiết bị và các biện pháp bảo quản an toàn hồ sơ, tài liệu lưu trữ.

+ Do xã còn nhiều khó khăn sau sáp nhập, nên chưa đáp ứng đầy đủ kinh phí đảm bảo cho công tác văn thư theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ và đảm bảo cho hoạt động lưu trữ theo quy định tại Điều 39 Luật Lưu trữ.

UBND xã đã chỉ đạo công chức phụ trách, bố trí kho lưu trữ và các điều kiện bảo quản an toàn tài liệu theo quy định của pháp luật.

#### **IV. Tồn tại, hạn chế**

##### **1. Tồn tại, hạn chế:**

So với yêu cầu và mục tiêu đề ra về cải cách hành chính, công tác cải cách hành chính tại xã vẫn còn những tồn tại, hạn chế sau:

- Sự tham gia của công dân, tổ chức, doanh nghiệp đối với các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 chưa được chú trọng thực hiện.

- Việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích tại địa phương cũng chưa được thực hiện.

- Việc xây dựng xác định vị trí việc làm còn gặp nhiều khó khăn. Chất lượng một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ. Vẫn còn tình trạng cán bộ, công chức đi sớm về muộn.

- Hiệu quả phối hợp giải quyết hồ sơ hành chính giữa Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả với các cơ quan chuyên môn có liên quan chưa cao.

- Về cán bộ công chức vẫn còn dôi dư so với quy định đối với xã cụ thể đến thời điểm hiện tại dôi dư 7 cán bộ, công chức.

##### **2. Nguyên nhân:**

- Nhận thức và sự quan tâm của một số bộ phận cán bộ, công chức về CCHC chưa thật sự đầy đủ, chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ, chưa thực sự quan tâm, đầu tư đúng mức cho công tác CCHC. Việc ban hành các kế hoạch về CCHC chưa thực sự gắn với hoạt động, thực tiễn của địa phương. Một số nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương đạt thấp;

- Do một số cán bộ, công chức thiếu sự phối hợp, sự phối hợp còn thiếu chặt chẽ, chưa bám sát quy trình đã được phê duyệt.

## V. Giải pháp thực hiện 3 tháng cuối năm

Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trên cơ sở Kế hoạch CCHC của tỉnh, UBND huyện xây dựng Kế hoạch CCHC của huyện năm 2022 theo quy định và triển khai đồng bộ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thực hiện theo quy định, đặc biệt quan tâm tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục triển khai toàn diện, hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; Kế hoạch của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và Kế hoạch của UBND huyện về triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC gắn với đẩy mạnh tin học hóa, trực tuyến hóa giao dịch TTHC ở tất cả các cấp hành chính và các lĩnh vực ngành dọc, trong đó:

- Đưa 50% TTHC đủ điều kiện vào thực hiện trực tuyến ở mức độ 3; có tối thiểu 35% hồ sơ TTHC được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến ở mức độ 3;

- Toàn bộ hồ sơ TTHC áp dụng cơ chế một cửa liên thông được luân chuyển, phối hợp xử lý dưới dạng liên thông điện tử trên mạng tin học giữa các cơ quan hành chính thuộc huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan;

- Không có hồ sơ trễ hạn trên tất cả các lĩnh vực;

2. Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước, giải quyết TTHC theo quy định của Chính phủ và thực tiễn địa phương. Tiếp tục triển khai chính sách tinh giản biên chế đồng bộ với kiện toàn tổ chức bộ máy và đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ theo chức danh, vị trí việc làm.

3. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường công tác quản lý, sử dụng, đánh giá, cán bộ công chức.

Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao tinh thần, thái độ và chất lượng công vụ.

4. Đẩy mạnh ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo và điều hành của các cấp lãnh đạo, tăng cường tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động hành chính.

5. Tăng cường đăng tin, bài trên Trang thông tin điện tử huyện, trang thông tin điện tử cấp xã.

6. 100% văn bản hành chính thông thường trao đổi giữa các cơ quan nhà nước hoàn toàn dưới dạng điện tử; 100% văn bản điện tử trao đổi giữa các cơ quan nhà nước có sử dụng chứng thư số, chữ ký số.

7. Thực hiện duy trì, áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam ISO 9001:2015 trong các cơ quan hành chính nhà nước phù hợp với vận hành phần mềm Một cửa điện tử theo tiến độ của UBND huyện.

Trên đây là kết quả thực hiện cải cách hành chính trong 9 tháng và phương hướng nhiệm vụ 3 tháng còn lại cuối năm 2022 của xã Thanh Bình Thịnh. Và một



số nhiệm vụ CCHC trọng tâm trong thời gian tới, báo cáo UBND huyện để tổng hợp/.

***Nơi nhận:***

- UBND Huyện Đức Thọ;
- TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Lưu VT, VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Đoàn Ngọc Hường**

**Phụ lục 1B**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**TẠI CÁC PHÒNG, BAN, NGÀNH CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ VÀ CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ**  
*(Ban hành kèm theo báo cáo số: 26/BC-UBND, ngày 14/9/2022 của UBND xã Thanh Bình Thịnh)*

STT	Chi tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 9 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	<b>Công tác Chỉ đạo điều hành</b>	Văn bản	08	
1.1	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b> <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	08	
1.2	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm</b> <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%		
1.2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	11	Thống kê, đối chiếu và nêu chi tiết kết quả đạt được theo Phụ lục ban hành kèm theo Kế hoạch năm 2022
1.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	9	
1.3.	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
1.3.1	Số phòng, ban, đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
1.3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		Chỉ UBND cấp huyện báo cáo
1.3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
1.3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.4</b>	<b>Kiểm tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy</b>			
1.4.1	Số cơ quan, đơn vị được kiểm tra	%		
1.4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận kiểm tra	%		
<b>1.5</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao</b>			
1.5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
<b>1.6</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có =1; Không=0		
1.6.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến=0 Phiếu =1 Kết hợp =2		
<b>1.7</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không=0 Có =1		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>2</b>	<b>Cải cách thể chế</b>	Văn bản		
<b>2.1</b>	<b>Tổng số VBQPPL<sup>1</sup> do các đơn vị tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành hoặc do địa phương ban hành</b>	Văn bản		
2.1.1	Số VBQPPL do đơn vị tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành	Văn bản		
2.1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
2.1.3	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo
<b>2.2</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
2.2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
<b>2.3</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
2.3.1	Số VBQPPL đã rà soát theo thẩm quyền	Văn bản		
2.3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
2.3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
2.3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>3</b>	<b>Cải cách thủ tục hành chính</b>			
<b>3.1</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
3.1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
3.1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục		
3.1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Thủ tục		
3.1.4.1	Số TTHC cấp tỉnh (Ba gồm cả TTHC của cơ quan TW ngành dọc)	Thủ tục		Riêng Văn phòng Cấp ủy - CQ tổng hợp cáo số TTHC cấp huyện, cấp xã (kể cả số liệu ngành dọc thuộc cơ quan TW trên địa bàn)
3.1.4.2	Số TTHC cấp huyện (Ba gồm cả TTHC của cơ quan TW ngành dọc)	Thủ tục		
3.1.4.3	Số TTHC cấp xã (Ba gồm cả TTHC của cơ quan TW ngành dọc)	Thủ tục		
<b>3.2</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
3.2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	105	
3.2.2	Số TTHC liên thông giữ các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
<b>3.3</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
3.3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo
3.3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	850	
3.3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	850	
3.3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>4</b>	<b>Cải cách tổ chức bộ máy</b>			
<b>4.1</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
4.1.1	Tỷ lệ số, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
4.1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
4.1.3	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
4.1.4	Số tổ chức liên ngành do UBND tỉnh thành lập để thực hiện các nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực được giao	Tổ chức		
4.1.5	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
4.1.5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và trong đương	Cơ quan, đơn vị		
4.1.5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		UBND cấp huyện báo cáo
4.1.5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm số vốn năm 2015	%		
<b>4.2</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
4.2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người		
4.2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
4.2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người		
4.2.4	Số biên chế đã tinh giảm trong kỳ báo cáo	Người		
4.2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giảm số vốn năm 2015	%		
<b>4.3</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
4.3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người		
4.3.3	Số người đã tinh giảm trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4	Tỷ lệ % đã tinh giảm số vốn năm 2015	%		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>5</b>	<b>Cải cách chế độ công vụ</b>	Các cơ quan Trung ương không phải báo cáo nội dung này (mục 5)		
<b>5.1</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
5.1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra, kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
<b>5.2</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
5.2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
5.2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người		UBND cấp huyện báo cáo
5.2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
5.2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người		
<b>5.3</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kết từ đầu năm)</b>	Người		
<b>5.4</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyề n).</b>			
5.4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
5.4.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		



STT	Chi tiết thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6	<b>Cải cách tài chính công</b>	Các cơ quan Trung ương không phải báo cáo nội dung này (mục 6)		
6.1	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	%		
6.1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
6.1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng		
6.2	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
6.2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại đơn vị, địa phương	Đơn vị		
6.2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
6.2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

STT	Chi tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>7</b>	<b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số</b>			
<b>7.1</b>	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến</b> <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh-100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh-100% UBND các huyện, cấp xã.</i>	Chưa có=02 cấp =1 3 cấp=2		
<b>7.2</b>	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia/cấp tỉnh</b>	%		
<b>7.3</b>	<b>Số liệu về tra đổi văn bản điện tử</b>			
7.3.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương ( <i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i> )	%		
7.3.1.1	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%		
7.3.1.2	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND các huyện</i>	%		
7.3.1.3	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
7.3.2	<b>Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh</b>			
7.3.2.1	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%		
7.3.2.2	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%		
7.3.2.3	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%		
<b>7.4</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>			
7.4.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
7.4.1.1	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	55	
7.4.1.2	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	55	
7.4.1.3	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>		

7.4.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
7.4.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
7.4.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
7.4.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
7.4.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đạt tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%		
7.4.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	55	
7.4.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đạt tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục		
7.4.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%		
7.4.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	850	
7.4.4.2.	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	197	
7.4.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thành toán trực tuyến	%		
7.4.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục		
7.4.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thành toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục		
<b>7.5</b>	<b>Áp dụng ISO trong hoạt động của đơn vị</b>			
7.5.1	Ban hành các văn bản về ISO	Văn bản	05	
7.5.2	Ban hành, kiểm soát, cập nhật tài liệu hệ thống tại đơn vị:		05	
7.5.2.1	Ban hành tài liệu hệ thống; Công bố/công bố lại hệ thống; ban hành mục tiêu chất lượng	Quyết định		
7.5.2.2	Tổng số quy trình được áp dụng tại đơn vị (QTNB TTHC; QTNB TTHC giữa các cơ quan HCNN; QTNB khác)	Quy trình		

7.5.2.3	Số quy trình được ban hành mới/sửa đổi trong quý/6 tháng/năm	quy trình		
7.5.3	Tuyên truyền, tập huấn về ISO hành chính	cuộc/bài/tin		
7.5.4	Thực hiện đánh giá nội bộ định kỳ; xem xét lãnh đạo đối với hệ thống	lần		
7.5.5	Vận hành và áp dụng quy trình nội bộ trong giải quyết công việc và trong giải quyết TTHC			
7.5.5.1	Số hồ sơ thủ tục hành chính phát sinh trong quý/6 tháng/năm	Hồ sơ		
7.5.5.2	Số hồ sơ giải quyết công việc phát sinh trong quý/6 tháng/năm	Hồ sơ		
7.5.5.3	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC thực hiện đúng quy trình nội bộ	%		
7.5.5.4	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết công việc thực hiện đúng quy trình nội bộ	%		
7.5.8	Việc sắp xếp, lưu trữ tài liệu hồ sơ, tài liệu	%		
7.7.9	Kết quả áp dụng ISO 9001 tại các đơn vị, địa phương: (Các đơn vị trực thuộc, đơn vị thuộc quản lý của ngành (Sở, ban, ngành báo cáo) Các đơn vị, địa phương trên địa bàn (UBND cấp huyện báo cáo))			
7.7.9.1	Số đơn vị/ địa phương đã áp dụng ISO 9001:2015	Đơn vị		
7.7.9.2	Số đơn vị/địa phương triển khai mới trong năm	Đơn vị		